

Bản án số: 285/2026/DS-PT

Ngày: 23 -3-2026

V/v tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Xa Riêng- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 871/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 150/2025/QĐ-PT ngày 4 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khóm D, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

5. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

6/ Bà Nguyễn Thị Kim T sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân xã T, nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Nguyễn Thị O sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh Nguyễn Minh L2 sinh năm 2002.

Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của anh Nguyễn Minh L2: Luật sư Phan Văn H1 – Công ty L5- Đoàn luật sư tỉnh V.

4. Bà Võ Thị Mỹ L3 sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Minh L2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày:*

Cha mẹ của ông bà gồm: Cha là Nguyễn Văn D sinh năm 1939, chết năm 2016, mẹ là bà Trần Thị A sinh năm 1939, chết năm 2022. Cha mẹ của ông bà có 08 người con gồm: Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Quốc T1. Trước đây ông D và bà A có các tài sản sau:

- Thửa 120, tờ bản đồ số 11 diện tích 1.202,2m².
- Thửa 183, tờ bản đồ số 11 diện tích 919,9m²
- Thửa 184, tờ bản đồ số 11 diện tích 1.669,7m²
- Thửa 185, tờ bản đồ số 11 diện tích 4.422,1m²
- Thửa 155, tờ bản đồ số 11 diện tích 210,2m²
- Thửa 119, tờ bản đồ số 11 diện tích 1.995,7m²
- Thửa 412, tờ bản đồ số 3 diện tích 1.669,7m²
- Thửa 230, tờ bản đồ số 3 diện tích 2.290m²
- Thửa 240, tờ bản đồ số 3 diện tích 1.590m²

Các thửa đất này tọa lạc: Ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Do ông D chết vào năm 2016, nên ông bà thống nhất cho bà A đứng tên trên các giấy chứng nhận của các thửa đất này. Sau đó bà A đã để di chúc các thửa đất này cho con của ông Nguyễn Quốc T1 (anh Nguyễn Minh L2), anh L2 đã làm thủ tục đứng tên các thửa đất này. Riêng thửa 230, 240 anh L2 chưa làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất, hơn nữa các nguyên đơn cho rằng 02 thửa đất này là cấp cho hộ bà A, nên việc bà A để di chúc 02 thửa đất này là không đúng, do đó các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế các thửa đất này như sau: chia cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Văn S mỗi người suất có diện tích 458 m² thuộc thửa 230; Đối với Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Quốc T1 mỗi người suất thừa kế tương đương 530 m² thửa 240. Sau khi thẩm định và đối chất các đương sự thống nhất yêu cầu chia thửa 230 và 240 thành 09 phần trong đó có thêm phần con của ông T1 là anh Nguyễn Minh L2 và tại biên bản hòa giải các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập bà O đã thỏa thuận việc phân chia thừa kế như sau:

1/Chị Trinh hưởng phần chữ A, chị T có nghĩa vụ hỗ trợ cho anh S số tiền 50.000.000 đồng, do anh S hưởng phần chữ G.

2/ Chị O hưởng phần chữ B, chị O có nghĩa vụ hỗ trợ cho chị V số tiền 40.000.000 đồng, do chị V hưởng phần chữ F.

3/ Anh Lê hưởng phần chữ C.

4/ Chị H hưởng phần chữ D.

5/ Chị L1 hưởng phần chữ E.

Đối với ông T1 được hưởng phần đất là chữ I có diện tích 331,2 m² của thửa 240, đối với anh L2 là chữ H có diện tích 494 m² của thửa 240.

Các nguyên đơn cũng đồng ý tiếp tục cho bị đơn ông T1 sử dụng đường nước theo kết quả khảo sát. (Theo sơ đồ đất mà Văn phòng Đ chi nhánh huyện T cung cấp vào ngày 29/6/2025).

- *Nguyên đơn bà T trình bày:* Bà T thống nhất lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn cũng như thống nhất chia thừa kế theo pháp luật đối với 02 thửa đất 230 và 240 thành 09 phần (Cho thêm 01 phần của con anh T1 là cháu Minh L2) cũng như thống nhất vị trí đất hưởng thừa kế cụ thể, bà T hưởng phần chữ A, chị T có nghĩa vụ hỗ trợ cho anh S số tiền 50.000.000 đồng, do anh S hưởng phần chữ G, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, bà T cho rằng kinh tế khó khăn nên xin hỗ trợ cho ông S 40.000.000 đồng.

- *Phía bị đơn ông T1 trình bày:* Ông thống nhất việc phân chia thừa kế của các nguyên đơn cũng như thống nhất vị trí đất được hưởng phần đất là chữ I có diện tích 331,2 m² của thửa 240.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập:*

Bà Nguyễn Thị O trình bày: Bà O thống nhất lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn cũng như thống nhất chia thừa kế theo pháp luật đối với 02 thửa đất 230 và 240 thành 09 phần (Cho thêm 01 phần của con anh T1 là cháu Minh L2) cũng như thống nhất vị trí đất hưởng thừa kế cụ thể, bà O hưởng phần chữ B, bà O có nghĩa vụ hỗ trợ cho chị V số tiền 40.000.000 đồng, do chị V hưởng phần chữ F, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, bà O cho rằng kinh tế khó khăn nên xin hỗ trợ cho bà V 20.000.000 đồng.

- *Đại diện theo ủy quyền của anh Minh L2 trình bày:* Không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật vì 02 thửa đất 230 và 240, bà nội của anh Minh L2 (bà A) đã để lại di chúc cho anh L2 được hưởng toàn bộ 02 thửa đất này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà L3 trình bày: Bà L3 là vợ của ông T1, bà L3 không ý kiến gì về vụ án này, yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12- Vĩnh Long đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Kim T về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với 02 thửa đất: Thửa 230, tờ bản đồ số 3 diện tích 2.290m² và Thửa 240, tờ bản đồ số 3 diện tích 1.590m², tọa lạc: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Các đương sự được hưởng thừa kế như sau:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim T được hưởng phần đất chữ A có diện tích 435,9m² (Trong có có 27 m² đất ở nông thôn còn lại đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 230, tờ bản đồ số 3 và các tài sản gắn liền với phần đất này gồm: 17 cây dừa trong đó có 16 cây dừa (từ 07 năm đến 30 năm tuổi) và 01 cây dừa (từ 04 đến 07 năm tuổi).

2/ Ông Nguyễn Văn L được hưởng phần đất chữ C có diện tích 434,4m² (Trong có có 27 m² đất ở nông thôn còn lại đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 230 và các tài sản gắn liền với phần đất này gồm: 11 cây dừa trong đó có dừa từ 07 năm đến 30 năm tuổi và 01 căn nhà có kết cấu như sau: móng cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, trát vôi vữa, sơn bê, mái tole có đóng trần, nền gạch men, cửa nhôm, khung kính có diện tích 5,9m x 7,3m = 43, 07 m².

3/ Bà Nguyễn Thị H được hưởng phần đất chữ D có diện tích 433,7 m² (Trong có có 27 m² đất ở nông thôn còn lại đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 230 và các tài sản gắn liền với phần đất này gồm: 09 cây dừa trong đó có 07 dừa (07 năm đến 30 năm tuổi) 02 cây dừa (04 năm đến 07 năm tuổi); 01 cây nhãn (20 năm tuổi) và 01 căn nhà có kết cấu như sau: móng cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, trát vôi vữa, sơn bê, mái tole, không trần, nền gạch men, cửa nhôm, có diện tích 6,6m x 9,8m = 64,68 m².

4/ Bà Nguyễn Thị Thu L1 được hưởng phần đất chữ E có diện tích 413,3m² (Trong có có 27 m² đất ở nông thôn còn lại đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 230 và các tài sản gắn liền với phần đất này gồm: 15 cây dừa trong đó có 15 cây dừa (07 năm đến 30 năm tuổi) và 02 cây dừa (từ 04 đến 07 năm tuổi).

5/ Ông Nguyễn Văn S được hưởng phần đất đất chữ G có diện tích 486,5m²(Trong có có 25,2 m² đất ở nông thôn còn lại đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 240 và các tài sản gắn liền với phần đất này gồm: 05 cây dừa trong đó có (07 năm đến 30 năm tuổi) và 22 bụi chuối

6/ Bà Nguyễn Thị V được hưởng phần chữ F có diện tích 476,4m²(Trong có có 25,2 m² đất ở nông thôn còn lại đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 240 và các tài sản gắn liền với phần đất này gồm: 10 cây dừa trong đó có 08 cây dừa (07 năm đến 30 năm tuổi) và 02 cây dừa (từ 04 đến 07 năm tuổi); Mít 01 cây (03 năm tuổi); 06 bụi chuối.

7/ Ông Nguyễn Quốc T1 được hưởng phần đất chữ I có diện tích 331,2m² (Trong có có 25,2 m² đất ở nông thôn còn lại đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 240 và các tài sản gắn liền với phần đất này gồm: 01 căn nhà có kết cấu như sau: móng cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, trát vôi vữa, sơn bê, mái tole, không trần, nền láng xi măng, cửa sắt, có diện tích 4,2m x 7,3m = 29,93 m² và các công trình kiến trúc như: Mái che lợp tole, kiềng đà sắt có diện tích 77,5 m²; Hàng rào 01: có kết cấu móng cột bê tông cốt thép, xây tường lửng lưới B40 cao 2m, dài 19m; Hàng rào thứ 2 có kết cấu móng cột bê tông cốt thép, xây tường lửng không thép cao 2m, dài 26m (Nhà và hàng rào do ông T1 xây dựng).

Có gửi kèm theo sơ đồ khu đất.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị O về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với 02 thửa đất Thửa 230, tờ bản đồ số 3 diện tích 2.290m² và Thửa 240, tờ bản đồ số 3 diện tích 1.590m², tọa lạc: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị O được hưởng phần đất chữ B có diện tích 435,2m² (Trong đó có 27 m² đất ở nông thôn còn lại đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 230 và các tài sản gắn liền với phần đất này gồm: 10 cây dừa trong đó có 09 cây dừa từ 07 năm đến 30 năm tuổi và 01 cây dừa từ 04 đến 07 năm tuổi.

Có gửi kèm theo sơ đồ khu đất.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Minh L2 về việc chia theo di chúc đối với 02 thửa đất Thửa 230, tờ bản đồ số 3 diện tích 2.290m² và Thửa 240, tờ bản đồ số 3 diện tích 1.590m², tọa lạc ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự cho anh Nguyễn Minh L2 được phần đất chữ H có diện tích 494m² (Trong có 25,2 m² đất ở nông thôn còn lại đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 240 và các tài sản gắn liền với phần đất này gồm 10 cây dừa (07 năm đến 30 năm tuổi); 01 cây vú sữa; 01 cây bàng.

Thửa đất 230, Thửa 240 đều thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim T hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn S số tiền 40.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị O hỗ trợ bà Nguyễn Thị V 20.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn L hỗ trợ bà Nguyễn Thị V 6.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H hỗ trợ bà Nguyễn Thị V 14.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự gồm: Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị O về việc giao cho ông Nguyễn Quốc T1 được sử dụng đường nước là chữ A1, B1, C1, D1, E 1, F1 (Theo sơ đồ khu đất).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, chi phí thẩm định, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2025 anh Nguyễn Minh L2 kháng cáo yêu cầu chia cho anh được hưởng 50% giá trị thửa đất số 230, 240 của cụ Trần Thị A đã làm di chúc cho anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Minh L2: Ngày 11/9/2017 cụ Trần Thị A có lập di chúc cho anh Nguyễn Minh L2 được hưởng hai thửa đất 230, 240 chứng thực của chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Áp dụng án lệ số 72/2024/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Tờ di chúc là hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh L2 sửa bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thủ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ

pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ lý do diện tích hiện trạng đất tranh chấp lớn hơn diện tích được cấp quyền sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 294 và khoản 2 Điều 2912 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên. Xét đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Minh L2.

Các đương sự thống nhất với nhau cụ Nguyễn Văn D, chết năm 2016, và cụ Trần Thị A chết năm 2022. Cụ D và cụ A có 08 người con gồm: Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Quốc T1. Di sản của cụ D và cụ A để lại là thửa 230, tờ bản đồ số 3 diện tích 2.290m², thửa đất 240, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.590m², tọa lạc tại ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Các đương sự khai thống nhất với nhau về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản thừa kế các đương sự, không kháng cáo phần này nên Tòa không xem xét.

Xét tờ di chúc ngày 11/9/2017 của cụ Trần Thị A có chứng thực của chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Bà Trần Thị A ký tên và lặn tay của người lập di chúc. Người làm chứng là ông Đinh Văn P, cán bộ tư pháp xã. Theo lời khai của ông Đinh Văn P bà Trần Thị A nhờ ông đánh máy dùm tờ di chúc và ký tên làm chứng, đánh máy xong ông trình cho chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, khi làm di chúc bà A có viết ra giấy các thửa đất, chữ viết ngoằn ngoèo, nội dung trong di chúc do bà A nói ra cho ông đánh máy, bà A không có viết ra giấy nội dung như di chúc đánh máy. Tại thời điểm cụ A lập di chúc cụ là người cao tuổi (78 tuổi) như khi lập di chúc không có giấy khám sức khỏe xem cụ A có còn minh mẫn khi lập di chúc.

Theo quy định tại Điều 634 Bộ luật dân sự quy định: *Trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể tự mình đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc.*

Việc lập di chúc bằng văn bản có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 và Điều 632 của Bộ luật này.

Tờ di chúc ngày 11/9/2017 của cụ Trần Thị A không có hai người làm chứng nên di chúc không hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 230, 240 là đúng theo quy định tại điều 650 Bộ luật dân sự.

Khi chia thừa kế các thừa kế cũng giành ra một phần tương đương một suất thừa kế cho anh L4 do có công sức giữ gìn di sản là hợp tình và hợp lý.

Ngoài ra anh L2 còn được hưởng của cụ A 07 thửa đất khác, các thừa kế của cụ A không yêu cầu đồng ý để cho anh L2 là cháu nội cụ A được hưởng là có lợi cho anh L2 nên việc anh L2 kháng cáo xin hưởng 50% giá trị thửa đất số 230 và 240 là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Ý kiến của người bảo vệ hợp pháp cho anh L2 Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét ý kiến đề nghị của kiểm sát viên hủy bản án sơ thẩm do chưa làm rõ diện tích hiện trạng lớn hơn diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết quả đo đạc do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần cung cấp số 1076/CNHTC-KTĐC ngày 28/6/2023 và số 1217/CNHTC-KT ngày 19/6/2024 thì tổng diện tích tranh chấp gồm:

+ Phần (A) phần đất tranh chấp diện tích 2.152,5 m² thuộc thửa số 230 tờ số 3 theo tài liệu năm 1992.

+ Phần (B) phần đất tranh chấp diện tích 1.456,9 m² thuộc một phần thửa số 240 tờ số 3 theo tài liệu năm 1992.

+ Phần (C) diện tích 331,2 m² thuộc phần còn lại của thửa số 240 tờ số 3 theo tài liệu năm 1992.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Trần Thị A ngày 28/11/1998 thửa số 30 diện tích 2.290 m² phần ghi thêm có nội dung: *Xây dựng bản đồ địa chính chính quy sẽ được kiểm đạt lại diện tích đất.* Thửa đất số 240 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/7/2005 diện tích 1.590 m² mục V của giấy chứng nhận ghi chú: *Diện tích thửa đất chưa được đo đạc chính xác.* Theo kết quả thẩm định hiện trạng sử dụng diện tích đất có tăng hơn diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn nằm trong mốc giới của thửa đất số 230 và 240. Theo giải đáp số 16/1999/KHXX ngày 01/02/1999 của Tòa án nhân dân tối cao: *“Trong trường hợp diện tích đất thực tế rộng hơn hoặc nhỏ hơn diện tích đất có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng nếu theo số địa chính thì diện tích đất thực tế theo đúng mốc và chỉ giới giao đất thì Tòa án giải quyết theo diện tích thực tế của đất đó”* Tòa án căn cứ diện tích thực tế sử dụng được giải quyết là đúng pháp luật. Do đó không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh L2 không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 624, 627, 630, 634, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh L2.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12- Vĩnh Long.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Minh L2 về việc chia theo di chúc đối với 02 thửa đất Thửa 230, tờ bản đồ số 3 diện tích 2.290m² và Thửa 240, tờ bản đồ số 3 diện tích 1.590m², tọa lạc ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự cho anh Nguyễn Minh L2 được phân đất chữ H có diện tích 494m² (Trong có 25,2 m² đất ở nông thôn còn lại đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 240 và các tài sản gắn liền với phần đất này gồm 10 cây dừa (07 năm đến 30 năm tuổi); 01 cây vú sữa; 01 cây bàng.

Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Minh L2 phải chịu 300.000 đồng anh L2 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006858 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long ;
- TAND khu vực 12- Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung